| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3**<br>**TỈNH BẮC NINH** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 01/2025/DS-ST
Ngày 17 tháng 7 năm 2025
*V/v: "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- BẮC NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tọa:* Bà Nguyễn Thị Thu Trang.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Trần Hải Đăng.

2. Ông Thân Văn Bình.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Đỗ Văn Tùng - Thư ký viên Toà án nhân dân huyện khu vực 3, tỉnh Bắc Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa*:** Ông Ngô Đức Nghiêm - Kiểm sát viên.

Ngày 17/7/2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Bắc Ninh mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 111/TLST-DS ngày 01/7/2025 (Số thụ lý 31/2025/TLST-DS ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thế cũ) về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2025/QĐXXST-DS ngày 09/6/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 56/2025/QĐST-DS ngày 25/6/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị D, sinh năm 1967 (có đơn xin vắng mặt).

Nơi cư trú: Bản N, xã X, tỉnh Bắc Ninh.

- Bị đơn:

1. Anh Hoàng Bá L, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Bản N, xã X, tỉnh Bắc Ninh.

Nơi công tác: Phân trại số 02, trại giam NL1, Cục C10, Bộ Công an.

Địa chỉ: Bản Đ, xã Đ, tỉnh Bắc Ninh.

2. Chị Hoàng Thị H năm 1984 (vắng mặt).

Nơi cư trú: Bản N, xã X, tỉnh Bắc Ninh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Dương Văn K, năm 1965 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông K: Bà Bùi Thị D năm 1967 (có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Bản N, xã X, tỉnh Bắc Ninh

## NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Tại đơn khởi kiện và các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bà Bùi Thị D trình bày:***

Gia đình tôi làm nghề kinh doanh thức ăn chăn nuôi. Tôi và anh Hoàng Bá L có mối quan hệ quen biết. Từ khoảng tháng 3/2016 anh L, chị H mua cám của gia đình tôi để về chăn nuôi lợn. Khi mua bán, chúng tôi thỏa thuận, hết lứa chăn nuôi (khoảng 3 đến 4 tháng) thì sẽ thanh toán đầy đủ tiền cám cho gia đình tôi, nếu không phải chịu lãi theo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm thanh toán. Chúng tôi mua bán từ tháng 3/2016 đến ngày 13/10/2019 thì không mua bán nữa nên đã chốt sổ, theo đó anh L, chị H nợ vợ chồng tôi tổng số tiền là **597.635.000 đồng** *(Bằng chữ: Năm trăm chín mươi bảy triệu sáu trăm ba mươi lăm nghìn đồng)*. Anh chị có hẹn với tôi sau 01 tháng sẽ thanh toán trả hết số tiền trên. Sau 01 tháng, tôi đã đến nhà anh L1 tiền rất nhiều lần nhưng không được, đến ngày 02/10/2023 vợ chồng anh L2 trả tôi được số tiền 300.000.000 đồng, còn nợ lại 297.365.000 đồng. Ngày 11/5/2024 vợ chồng anh L trả tôi tiếp 100.000.000 đồng, còn nợ lại 197.365.000 đồng. Sau đó, chị H có đến gia đình tôi đề trả số tiền gốc là 197.365.000 đồng và không đồng ý trả lãi, tôi không đồng ý nên đã khởi kiện tại Tòa án.

*Tại biên bản hòa giải ngày 30/5/2025 và bản tự khai ngày 24/6/2025, bà D trình bày:*

Sau khi Tòa án tiến hành phiên họp về việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải thì chị H chuyển khoản trả tôi số tiền gốc là 197.365.000 đồng nên tôi không yêu cầu anh L, chị H phải trả tôi số tiền gốc này nữa. Trong hợp đồng mua bán hàng trả chậm ngày 13/10/2019 tôi có hẹn cho anh L, chị H có thỏa thuận thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 15/3/2020 nên nay tôi chỉ yêu cầu anh L, chị H phải trả lãi cho vợ chồng tôi như sau:

- Nợ lãi của khoản tiền gốc 597.365.000 đồng từ ngày 16/3/2020 đến ngày 03/10/2023 x 0,83%/tháng x 42 tháng 16 ngày = 210.885.775 đồng.

- Nợ lãi của khoản tiền gốc 297.365.000 đồng từ ngày 04/10/2023 đến ngày 11/5/2024 x 0,83%/tháng x 07 tháng 07 ngày = 17.852.803 đồng.

- Nợ lãi của khoản tiền gốc 197.365.000 đồng từ ngày 12/5/2024 đến ngày 30/5/2025 x 0,83%/tháng x 12 tháng 18 ngày = 20.640.432 đồng.

Tổng cộng lãi là: 249.379.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu ba trăm bẩy mươi chín nghìn đồng).

**** Tại bản tự khai và biên bản hòa giải, chị Hoàng Thị H bày:***

Vợ chồng tôi có mua cám của gia đình bà D về để chăn nuôi lợn phát triển kinh tế gia đình. Khi mua bán, chúng tôi thỏa thuận sau mỗi lứa lợn (khoảng 03 đến 04 tháng) thì vợ chồng tôi phải thanh toán toàn bộ số tiền cám cho bà D. Kể từ ngày 26/9/2019 thì vợ chồng tôi không mua cám của gia đình bà D nữa. Đến

ngày 13/10/2019 thì chúng tôi chốt nợ, tuy nhiên do tính toán nhầm nên chúng tôi có ký nhận nợ số tiền 634.365.000 đồng, sau đó hai bên đã tính toán lại thì số nợ của vợ chồng tôi là 597.365.000 đồng. Về việc bà D khai hẹn sau 01 tháng thanh toán hết tiền là không đúng, chúng tôi không hẹn thời gian thanh toán khi chốt nợ. Sau đó, vợ chồng tôi đã thanh toán cho bà D một số lần, cụ thể như sau:

- Ngày 02/10/2023 vợ chồng tôi trả bà D 300.000.000 đồng (ba trăm triệu đồng).

- Ngày 11/5/2024 vợ chồng tôi trả bà D số tiền 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Ngày 30/5/2025 tôi trả bà D 197.365.000 đồng.

Nay bà D yêu cầu tôi trả các khoản tiền lãi tổng là 249.379.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu ba trăm bẩy mươi chín nghìn đồng) thì tôi không đồng ý vì lí do khi mua bán cám với bà D tôi đã mua với giá cao hơn bình thường khoảng 30.000 đồng/01 bao cám nhưng tôi không có tài liệu, chứng cứ gì chứng minh. Khi mua bán thì tôi hoàn toàn tự nguyện và tôi cũng đồng ý với mức giá mà bà D đưa ra. Lúc mua bán chúng tôi cũng không thỏa thuận gì về tiền lãi giữa các bên. Vì vậy, tôi không đồng ý trả tiền lãi theo yêu cầu của bà D.

**** Tại đơn kiến nghị ngày 30/4/2025, anh Hoàng Bá L trình bày:***

Anh bắt đầu mua cám của bà D để chăn nuôi lợn từ khoảng năm 2016 đến năm 2019. Tuy nhiên, do lợn bị bệnh dịch tả Châu Phi nên khi chốt nợ anh còn nợ lại số tiền là 598.565.000 đồng. Đến tháng 10/2023, vợ chồng anh trả cho bà D số tiền là 300.000.000 đồng và đến tháng 5/2024 tiếp tục trả 100.000.000 đồng, còn nợ lại là 198.565.000 đồng. Đến ngày 14/4/2025 vợ anh là chị Hoàng Thị H mang số tiền 198.565.000 đồng để trả cho bà D nhưng bà D không nhận, vợ chồng anh có quay video làm bằng chứng. Nay bà D kiện vợ chồng anh thì anh có quan điểm như sau:

- Việc mua bán cám giữa vợ chồng anh và bà D là thỏa thuận miệng, không phải hợp đồng mua bán, sổ mà bà D là hợp đồng chỉ là sổ giao nhận cám, không phải hợp đồng.

- Bà D cầu vợ chồng anh trả tiền lãi thì anh không đồng ý vì lí do vợ chồng anh không vay tiền của bà D, mỗi bao cám bà D bán cho anh với giá đầu tư trả chậm đã tính lãi ít nhất là 10.000 đồng/bao.

**** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:***

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý đến khi xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Tại phiên Toà hôm nay, Thẩm phán và Hội thẩm nhân dân đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn là bà Bùi Thị D, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Dương Văn K đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự, chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố

tụng dân sự tại phiên toà. Bị đơn là anh Hoàng Bá L chị Hoàng Thị H chưa chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 26, Điều 35, khoản 3 Điều 144, khoản 1 Điều 147, Điều 271, 273 BLTTDS;

Áp dụng Điều 288, Điều 430, Điều 433, Điều 440, khoản 2 Điều 468, Điều 357 Bộ luật dân sự; Điều 37 Luật hôn nhân gia đình; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà D, buộc anh L chị H trả cho bà D, ông K tổng số tiền lãi 249.379.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu ba trăm bẩy mươi chín nghìn đồng).

- Án phí: Bà D không phải chịu án phí; Anh L chị H chịu án phí theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]. Về tố tụng:**

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Bùi Thị D khởi kiện anh Hoàng Bá L chị Hoàng Thị H yêu cầu trả tiền mua cám còn nợ và tiền lãi nên đây là quan hệ pháp luật về "Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản". Anh L chị H cùng có địa chỉ cư trú tại xã X, tỉnh Bắc Ninh nên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 3, Điều 4 và Phục lục kèm theo của Nghị quyết số 81/2025/UBTVQH ngày 27/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3-Bắc Ninh.

Tại phiên tòa, chị Bùi Thị D có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Hoàng Bá L chị Hoàng Thị H đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không có lí do nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người trên.

Về áp dụng pháp luật: Sự kiện pháp lý xảy ra vào năm 2019, kéo dài đến năm 2025 nên áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết theo quy định tại Điều 689 của Bộ luận Dân sự năm 2015.

**[2]. Về nội dung**:

Xét yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị D về việc yêu cầu anh Hoàng Bá L chị Hoàng Thị H trả số tiền lãi là 249.379.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu ba trăm bẩy mươi chín nghìn đồng), Hội đồng xét xử nhận định như sau: Từ năm 2016 đến năm 2019, bà D13 anh L Hcó thỏa thuận mua bán cám để gia đình anh L chăn nuôi lợn phát triển kinh tế gia đình. Anh L chị H mua cám của bà D mức giá cao hơn giá thị trường nhưng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Mặt khác, chị H thừa nhận khi mua bán cám với bà D hoàn toàn tự

nguyện và đồng ý với mức giá bà D đưa ra nên đây là hợp đồng mua bán tài sản hợp pháp theo quy định tại Điều 430 của Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ bản gốc Hợp đồng mua bán hàng trả chậm ngày 13/10/2019 thì thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 15/3/2020. Vì vậy, có cơ sở xác định anh L, chị H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ vào ngày 16/3/2020. Theo quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 430 của Bộ luật dân sự thì: *"1. Bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền theo thời hạn, địa điểm và mức tiền được quy định trong hợp đồng; 3. Trường hợp bên mua không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền thì phải trả lãi trên số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357 của Bộ luật này".* Từ các căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy cần buộc anh L chị H trả lãi cho bà D, ông K tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả (kể từ ngày 16/3/2020 đến ngày thanh toán xong số tiền gốc ngày 30/5/2025) là phù hợp.

Về mức lãi suất 0,83%/tháng, thời gian tính lãi kể từ ngày 16/3/2020 đến ngày 30/5/2025 như bà D cầu là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự và thấp hơn mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong các Hợp đồng mua bán hàng trả chậm nên được chấp nhận.

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị D đó, cần buộc anh Hoàng Bá L chị Hoàng Thị H thanh toán trả bà Bùi Thị D, ông Dương Văn K số tiền lãi là 249.379.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu ba trăm bẩy mươi chín nghìn đồng).

**[3]. Về án phí:** Do yêu cầu khởi kiện của bà D chấp nhận toàn bộ nên không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; Anh Hoàng Bá L chị Hoàng Thị H phải liên đới chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị Quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, Điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 271; Điều 273; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ quy định tại các Điều 288; Điều 430, 433, 440 của Bộ luật Dân sự; Điều 27; Điều 37 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, xử:

**1**. Về nghĩa vụ trả nợ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị D: Buộc anh Hoàng Bá L, chị Hoàng Thị H phải trả bà Bùi Thị D và ông Dương

Văn K số tiền là 249.379.000 đồng (Hai trăm bốn mươi chín triệu ba trăm bẩy mươi chín nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

**2**. Về tiền án phí: Bà Bùi Thị D không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả bà Bùi Thị D tiền 12.621.000 đồng (Mười hai triệu sáu trăm hai mươi mốt nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001967 ngày 08/4/2025 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Yên Thế (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 3, tỉnh Bắc Ninh) thu. Anh Hoàng Bá L, chị Hoàng Thị H phải liên đới chịu 12.468.000 đồng (Mười hai triệu bốn trăm sáu mươi tám nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

**3.** Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- VKSND khu vực 3;
- Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Trang**